

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn K; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H; nơi cư trú cuối cùng: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Tại Quyết định số: 02/2018/QĐDS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2018, Tòa án đã tuyên bố chị Trần Thị H mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Phạm Văn K trình bày: Anh và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ, huyện A1 (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng vào năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh ở thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng, không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ

chồng nên năm 1999 chị H đã bỏ đi khỏi địa phương. Sau khi chị H bỏ đi anh đã tìm kiếm chị H ở nhiều nơi nhưng không có kết quả. Vì thời gian chị H bỏ đi đã gần hai mươi năm không có tin tức gì nên anh đã gửi đơn đề nghị Tòa án nhân dân A, huyện A tuyên bố chị H mất tích. Tại Quyết định số: 02/2018/QĐDS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2018, Tòa án đã tuyên bố chị Trần Thị H mất tích. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị H không có con chung

Về tài sản chung: Anh và chị Trần Thị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, Tòa án đã tuyên bố mất tích do vậy, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử : Căn cứ vào các điều 28, 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015: Xử cho anh Phạm Văn K được ly hôn chị Trần Thị H. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Phạm Văn K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của bị đơn chị Trần Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do chị Trần Thị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn chị Trần Thị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của anh Phạm Văn K về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn nên từ năm 1999 chị H đã bỏ đi cho đến nay không có tin tức gì. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐDS- ST ngày 23 tháng 4 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã tuyên bố chị Trần Thị H là người mất tích. Nay anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Phạm Văn K và chị Trần Thị H đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã chấm dứt quan hệ

về tình cảm và trách nhiệm với nhau gần 20 năm nay. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn K đối với chị Trần Thị H đưa ra là có cơ sở cần được chấp nhận để giải phóng cho anh K khỏi sự gông buộc bởi quan hệ hôn nhân đối với chị H. Căn cứ vào Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn K xin ly hôn chị Trần Thị H.

[3] Về con chung: Anh Phạm Văn K và chị Trần Thị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung: Anh Phạm Văn K xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung, sau này nếu chị H trở về và có yêu cầu về tài sản chung, Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Phạm Văn K và chị Trần Thị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn K được ly hôn chị Trần Thị H

2. Về án phí: Anh Phạm Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015214 ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Anh K đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh Phạm Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã Đ, huyện A (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuấn

Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã Đồng Thái, A, HP;
- Đường sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND TT A, A, HP
(nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

Trương Minh Huế

